

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST
Ngày: 10-02-2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2022/TLST-KDTM ngày 10/10/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng...; Địa chỉ: 02 ..., Quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng....

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn Th, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng... – chi nhánh tỉnh Phú Yên làm đại diện theo Quyết định số 2965/QĐ-NHN_o-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng....

Ông Thịnh ủy quyền lại cho bà Trần Ngọc D, chức vụ: Cán bộ pháp chế Ngân hàng... – chi nhánh tỉnh Phú Yên theo giấy ủy quyền ngày số 1573/GUQ-NHN_o.PY-KTKSNB ngày 21/10/2022. Có mặt

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1987 và bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/04/2022, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng..., bà Trần Ngọc D trình bày:

Ngày 29/01/2021 giữa Ngân hàng... – chi nhánh tỉnh Phú Yên (gọi tắt Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn M, bà Huỳnh Thị Th có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4600LVA202100394, theo đó Ngân hàng cho ông M và bà Th vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay vốn: chăn nuôi bò và mua bán lẻ ga đốt, làm dịch vụ chăm sóc sắc đẹp phụ nữ; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 12,75%/năm; thời hạn cho vay từ ngày 29/01/2021 đến ngày 29/01/2024.

Để đảm bảo khoản vay này, ông M và bà Th đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 922771 được Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th ngày 09/01/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2021/HĐTC/.. ngày 28/01/2021.

Theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số giải ngân: 4600-LDS-20210 ngày 29/01/2021, ông M và bà Th đã vay số tiền 150.000.000 đồng và thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 29/01/2022.

Trong quá trình vay vốn, ông M và bà Th chỉ trả tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết nhưng không trả nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông M và bà Th trả nợ nhưng ông M và bà Th không trả nợ. Ngày 08/04/2022 ông M và bà Th đã trả được 80.000.000 đồng nợ gốc, tính đến ngày 10/02/2023 ông M và bà Th còn nợ tổng cộng số tiền 73.146.164 đồng trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 146.712 đồng và nợ lãi quá hạn 2.999.452 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu Tòa buộc ông M và bà Th phải trả số tiền nợ nêu trên. Nếu ông M và bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 4 Luật thương mại, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp. Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4600LVA202100394 ngày 29/01/2021, Ngân hàng... có cho ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay vốn: chăn nuôi bò và mua bán lẻ ga đốt, làm dịch vụ chăm sóc sắc đẹp phụ nữ; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 12,75%/năm; thời hạn cho vay từ ngày 29/01/2021 đến ngày 29/01/2024. Theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số giải ngân: 4600-LDS-20210 ngày 29/01/2021, ông M và bà Th đã vay số tiền 150.000.000 đồng và thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 29/01/2022.

Sau khi vay vốn, ông M và bà Th chỉ trả tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết nhưng không trả nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông M và bà Th trả nợ nhưng ông M và bà Th không trả nợ. Ngày 08/04/2022 ông M và bà Th đã trả được 80.000.000 đồng nợ gốc, tính đến ngày 10/02/2023 ông M và bà Th còn nợ tổng cộng số tiền 73.146.164 đồng trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 146.712 đồng và nợ lãi quá hạn 2.999.452 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông M, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ tiền cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền số tiền 73.146.164 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp bị đơn ông M và bà Th không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng... được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 198, tờ bản đồ số 280-C tọa lạc tại thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 922771, vào sổ cấp GCN số CS 01103 do Sở Tài nguyên và môi trường Tỉnh Phú Yên cấp cho ông M, bà Th cấp ngày 09/01/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2021/HĐTC/.. ngày 28/01/2021 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông M, bà Th phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Nguyên đơn đã

nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng nên bị đơn ông M , bà Th phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 và Điều 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 317, 323, 325 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng....

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng... tổng cộng số tiền tính đến ngày 10/02/2023 là 73.146.164 đồng (*bảy mươi ba triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*) (trong đó nợ gốc 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 146.712 đồng (*một trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng*) và nợ lãi quá hạn 2.999.452 đồng (*hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/02/2023), bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng... được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 198, tờ bản đồ số 280-C tọa lạc tại thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 922771, vào sổ cấp GCN số CS 01103 do Sở Tài nguyên và môi trường Tỉnh Phú Yên cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th vào ngày 09/01/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2021/HĐTC/.. ngày 28/01/2021 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng... đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) nên bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng... số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

Về án phí : Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị Th phải chịu 3.657.308 đồng (*ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm lẻ tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng... số tiền tạm ứng án phí 3.786.000 đồng (*ba triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007625 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.Tuy Hoà;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang